

TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC BÁN TRÚ - SỰ NỖ LỰC SÁNG TẠO CỘNG ĐỒNG ĐỂ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC BỀN VỮNG VÙNG DÂN TỘC VÀ MIỀN NÚI

NGUYỄN HỒNG THÁI

1. Lịch sử phát triển và ứng xử của các thể chế xã hội

Lịch sử hình thành và phát triển

Trường/lớp Dân tộc bán trú (theo cách gọi của Luật giáo dục) là trường phổ thông tại vùng dân tộc và miền núi, có học sinh tiểu học và/trung học cơ sở ăn ở, học tập tại trường chính ở trung tâm xã. Trong thực tế, mô hình có nhiều tên gọi khác nhau: Nội trú dân nuôi, Bán trú dân nuôi...

Loại hình trường học có tổ chức cho học sinh ăn ở tại trường trung tâm xã/cụm liên xã đã tự phát hình thành rất sớm vào cuối những năm 1950 đầu 1960 cho học sinh từ lớp 1-4. Đến thập kỷ 70, 80 đã có một số điển hình tổ chức ăn ở tập trung cho học sinh cấp 1, 2 như Mường Chùm - Mường La - Sơn La; Tả Phìn - Yên Minh - Hà Giang... Trường Dân tộc bán trú được nhân rộng và phát triển mạnh vào nửa cuối những năm 1980 - đầu thập kỷ 90 tại miền núi phía Bắc, thời điểm xóa bỏ bao cấp, đổi mới cơ chế quản lý xã hội (đây là tiền đề, điều kiện kinh tế xã hội của quá trình xã hội hóa). Các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên tổ chức mô hình này muộn hơn, vào đầu những năm 2000.

Hiện nay, trong cấu trúc giáo dục vùng dân tộc và miền núi, theo Bộ Giáo dục và Đào tạo có hơn 30 tỉnh ở vùng núi phía Bắc, Miền Trung và Tây nguyên có trường Dân tộc bán trú. Số lượng học sinh ước tính tại 27 tỉnh là 67.949, chủ yếu là lớp cuối Tiểu học và Trung học cơ sở.

Ứng xử của các thể chế xã hội

Lịch sử hình thành, phát triển chứng tỏ Mô hình này là tốt trong điều kiện kinh tế xã hội hiện nay, nhằm đáp ứng nhu cầu học tập, nâng cao dân trí của một bộ phận học sinh các dân tộc miền núi. Xuất phát từ nhu cầu học tập, *trước hết các gia đình tự phát* cho con em theo học tại điểm trường trung tâm xã. Sau đó, chính quyền, cộng đồng, gia đình học sinh ngày càng nhận thức rõ hơn về vai trò, hiệu quả của mô hình trong chiến lược phát triển toàn diện, bền vững các vùng dân tộc và miền núi nên có chính sách hỗ trợ cho con em đến trường.

Từ tự phát đến tự giác là con đường chuyển đổi nhận thức, đánh giá của Chính quyền cộng đồng và gia đình. Trên cơ sở đó thực hiện những biện pháp, chính sách hỗ

trợ cả về tinh thần vật chất, nhằm đảm bảo sự phát triển toàn diện của học sinh.

Tuy nhiên trong thực tế. Mô hình này phát triển được, trước hết và chủ yếu dựa vào sự chủ động sáng tạo, phát huy nội lực của cộng đồng các Dân tộc thiểu số.

Trong gần 50 năm hình thành phát triển của mô hình này, chưa có một văn bản pháp lý nào của Nhà nước, các Bộ/Ngành quy định rõ chức năng, vai trò, nhiệm vụ và chính sách đối với mô hình này. Một số văn bản chỉ ghi nhận, khuyến khích hoạt động của mô hình.

Luật giáo dục 2005 chương III, mục 3 điều 61 trong mục loại trường đặc biệt ghi: "*Nhà nước thành lập trường Phổ thông dân tộc nội trú, trường Phổ thông dân tộc bán trú... nhằm góp phần tạo nguồn đào tạo cán bộ cho các vùng này*". Thực tế, mô hình này vẫn nằm trong hoạt động chung của trường phổ thông bình thường, chỉ khác có bộ phận học sinh ăn ở tại trường. Chưa có chế độ, chính sách, quy chế gì chứng tỏ đây là loại trường chuyên biệt. Trong khi Điều lệ nhà trường phổ thông không thấy ghi loại trường này. Tồn tại dai dẳng này gây nhiều khó khăn trong việc quản lý và hoạch định chính sách của ngành giáo dục.

Trước thực tế đó, *Chính phủ, các bộ ngành, cộng đồng cần chủ động nhận thấy không thể tiếp tục đứng ngoài cuộc*, sớm ban hành văn bản pháp lý và chính sách trợ giúp hợp lý, giải quyết những khó khăn là điều cần thiết và không thể trì hoãn được nữa. Sự tồn tại và phát triển của trường/lớp Dân tộc bán trú ngày càng trở nên vô cùng quan trọng trong chiến lược phát triển vùng Dân tộc và miền núi, góp phần xóa đói giảm nghèo bền vững, tiến tới xóa bỏ sự cách biệt giữa các vùng miền và giữa các dân tộc.

2. Cơ chế tổ chức quản lý đối với trường Dân tộc bán trú

2.1. Tổ chức, quản lý của ngành giáo dục

Trường bán trú cụm xã: Thực hiện ở Miền Trung và Tây Nguyên, tập trung học sinh từ 4-6 xã của huyện về tại một điểm trường, chịu sự quản lý của Phòng giáo dục. Học sinh có học bổng. Trường có bếp ăn tập trung, cấp dưỡng, bảo vệ, y tế học đường ... tương tự như trường Phổ thông dân tộc nội trú nhưng ở mức thấp hơn.

Trường bán trú cụm xã được thành lập vì nhiều xã không trường Trung học cơ sở (Đặc Lắc năm 2005 còn 19/174 xã chiếm gần 11% chưa có trường trung học cơ sở). Lớp nhỏ, lớp ghép cũng không, vì thế phải gom học sinh vào trường bán trú cụm xã. Tham vấn cộng đồng đều thống nhất đây là Mô hình "*bán trú Tỉnh nuôi*". Và nếu xã nào cũng có trường Trung học cơ sở và có học bổng thì trường bán trú cụm xã sẽ tự tan vì học sinh sẽ lựa chọn học tại xã mình.

Trường/lớp bán trú tại xã: Là hình thức phổ biến nhất. Học sinh bán trú học chung với các học sinh khác. Không có lớp riêng, giáo viên kiêm nhiệm không có phụ

cấp, không có bảo vệ, cấp dưỡng, y tế học đường... Tổ chức ăn ở, sinh hoạt cho học sinh rất đa dạng, với hình thức 3 cơ bản tồn tại đan xen nhau: ở nhà lưu trú, cộng đồng đóng góp được lương thực, tổ chức nấu ăn cho phần lớn/tất cả học sinh (Hà Giang) - đây là Mô hình lý tưởng. Trường chỉ có nhà lưu trú. Học sinh tự túc về lương thực và nấu ăn, Trường không trợ giúp được gì. Học sinh hoàn toàn tự túc.

2. 2. Tổ chức quản lý của nhà trường đối với học sinh:

a. *Tổ chức học tập chính khóa.* Học sinh bán trú học cùng với học sinh khác tại trường ở trung tâm xã, về số môn, số buổi, số tiết... chiếm khoảng 10-60% học sinh của trường. Lý do học bán trú: Biểu đồ 1 cho thấy:

- 85,8% học bán trú là do thôn/bản không có các lớp các em đang học. Muốn tiếp tục học lên cao, Mô hình là sự lựa chọn bắt buộc của học sinh và gia đình.

- 80% học bán trú với lý do có điều kiện học tập, thầy cô tốt hơn ở thôn bản. Điều này phản ánh sự đánh giá và nguyện vọng được hưởng thụ một điều kiện học tập và chất lượng giáo dục tốt hơn.

- 50% học bán trú vì nhà xa, tức 1/2 học sinh không gặp trở ngại về khoảng cách. Học bán trú với kỳ vọng sẽ nhận được chất lượng học tập tốt.

- Nhận định trên được củng cố khi lý do thứ tư với 16.3% học bán trú để chuẩn bị theo học Dân tộc nội trú. Thực tế, gần 1/5 số gia đình có con đang học bán trú, đồng thời có con đang học cao đẳng, đại học, Dân tộc nội trú....

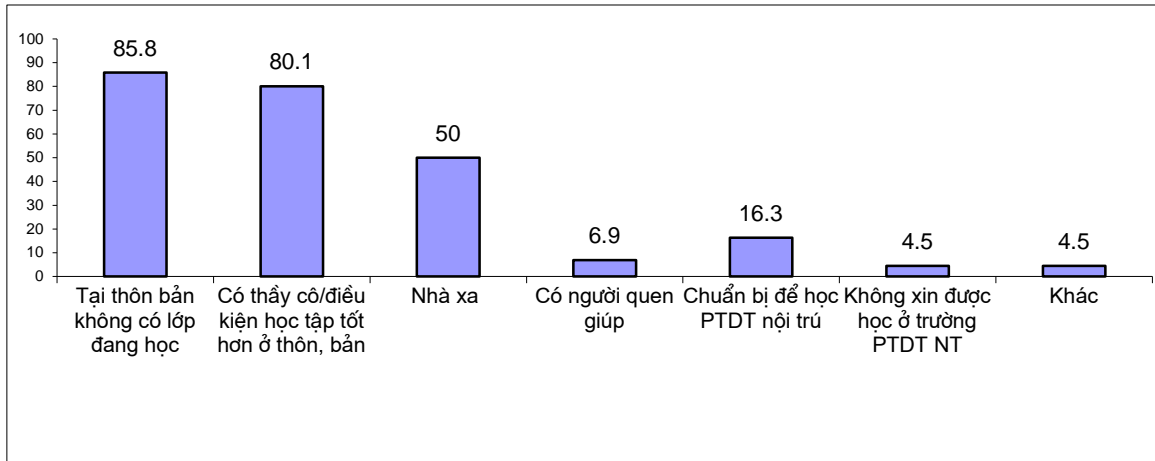
- 4,5% đi học bởi lý do khác, mà thực chất là được trợ cấp học bổng.

Bất bình đẳng giới khá nghiêm trọng (H'mông). Nữ thường chiếm 10 - 35% học sinh bán trú. (Sủng Thái - Yên Minh chỉ có 16 nữ/158 học sinh bán trú).

Phong tục tập quán ảnh hưởng rất nhiều đến sĩ số học sinh. Tết âm lịch nghỉ học 15-20 ngày. Công tác vận động rất khó khăn. "*ở đây đám ma, đám cưới cả xóm đi 2-3 ngày, thậm chí gia đình, trưởng xóm còn xin cho các em nghỉ học. Tình trạng tảo hôn còn phổ biến, 16 tuổi đã kết hôn rồi*". (PVS, nam, Chủ tịch xã).

Tại Đắc Lắc, học sinh bản địa học bán trú ít hơn học sinh di cư từ phía Bắc. Nguyên nhân có thể là: 1/ đồng bào di cư thường ở xa trung tâm xã. 2/ kinh tế của cộng đồng di cư thường khá hơn các dân tộc bản địa. 3/ ý thức về hiệu quả của giáo dục trong cộng đồng di cư có thể cao hơn các dân tộc bản địa.

Biểu đồ 1: Lý do học sinh học Dân tộc bán trú



b. Tổ chức ăn ở cho học sinh

Học sinh được ăn ở tập trung, có nhà lưu trú, bếp ăn, cấp dưỡng chỉ có nhà lưu trú, học sinh tự nấu ăn. Được hỗ trợ thường xuyên: học bổng, một phần hoặc toàn bộ lương thực, giường chiếu... Đây là cách tổ chức lý tưởng. Học sinh hoàn toàn ăn ở tự túc chiếm khoảng 60%, với nhiều hình thức, phụ thuộc vào điều kiện kinh tế cộng đồng và gia đình, quan hệ xã hội...

Về nơi ở: Có tới 43,4% học sinh ở lều lán tạm do gia đình làm. Sạp nứa, giường chiếu, chăn màn tự túc, không đảm bảo vệ sinh. học sinh rất ít ngủ màn.

Có 30,7% học sinh ở nhờ nhà giáo viên, ở trọ hay ở những ngôi nhà như trạm y tế, hợp tác xã mua bán, trụ sở xã cũ không sử dụng... 25,9% ở nhờ nhà họ hàng/người quen, điều kiện ăn ở sẽ đỡ khó khăn, nguy hiểm hơn ở lán tạm. Các em sinh hoạt, ăn chung với chủ nhà. Giúp đỡ chủ nhà một số công việc như nấu cơm, trông em...như một thành viên trong gia đình.

Về tổ chức nấu ăn: 72,0% học sinh tự nấu ăn dù còn rất nhỏ. Bếp chỉ là 3 hòn gạch/đá xếp ở góc nhà. Nồi niêu, bát đũa rất đơn sơ, mất vệ sinh. Có 28% ăn chung với thầy cô, người quen/họ hàng...là một hướng tốt cần được phát huy để hạn chế những nguy hại khi các em phải tự xoay sở với bữa ăn hàng ngày.

- Chất lượng sống, học tập của học sinh được ăn ở tập trung cao hơn hẳn học sinh ăn ở tự túc.

- Học sinh ở phân tán trong các lều lán tạm rất nguy hiểm và không thể tổ chức quản lý, hướng dẫn trong học tập và sinh hoạt.

- Bữa ăn của học sinh ở mức tối thiểu về lương thực, thực phẩm hầu như không

có gì. "*Bữa ăn chỉ có mèn mém và nước muối đun sôi. Rau xanh rất thiếu, hàng tháng học sinh chỉ được ăn vài bữa canh lác đác rau*" (PVS, Nữ, Cao đẳng, hiệu phó). Chỗ ở tạm bợ, xuống cấp qua từng năm học. Đây là bài toán về chính sách hỗ trợ mà lời giải còn chưa có.

- Người quen/họ hàng cho học sinh ở nhờ nên được nhân rộng. Đảm bảo an toàn cho học sinh hơn ở lán tạm. Điều này góp phần giao lưu văn hóa, giao tiếp xã hội, điều còn rất hạn chế trong không gian hoạt động xã hội ở vùng dân tộc và miền núi.

- Học sinh tự nấu ăn rất khó kiểm tra giám sát vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn cháy nổ. Luật Bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em và mục tiêu giáo dục toàn diện, đòi hỏi phải có phương hướng khắc phục càng nhanh càng tốt việc ăn ở, sinh hoạt tự túc.

c. Tổ chức quản lý hoạt động ngoài giờ cho học sinh

Học sinh ăn ở tập trung: Trường phân công giáo viên phụ trách quản trú, hướng dẫn học sinh trong giờ tự học và sinh hoạt. Lập thời gian biểu có hiệu lệnh trống/kể đối với từng thời gian sinh hoạt.

"Sáng 5h30 kể tập thể dục. Sau đó vệ sinh cá nhân, 7h lên lớp học buổi sáng. Chiều từ 14h-15h30 học sinh lên lớp tự học. 15h30 các em công tác đội như múa hát, tập nghi thức, thể dục thể thao. Khoảng 17h học sinh ăn cơm. 19h các em tự học và có cô giáo trực tuần quản. 21h-22h các em xem ti vi, xem phim". (TLN xã- trường, nữ, cao đẳng, phụ trách quản trú)

Trường tổ chức cho học sinh bầu ban quản trú và trưởng buồng để tự quản lý. Các học sinh này là nhân tố quản lý sâu sát nhất đối với tâm tư, nguyện vọng, diễn biến tâm sinh lý của học sinh, đặc biệt là nữ.

"Trường hợp các em có tình cảm yêu đương hay định bỏ học về nhà, nói chung là có vấn đề về tâm tư nguyện vọng thì ban tự quản của học sinh thường biết trước và báo cho giáo viên (...) Ngay trường hợp học sinh nam nữ ngủ với nhau nếu không có các em báo thì làm sao chúng tôi biết được(...). Nếu làm tốt nhiệm vụ thì các trưởng phòng do các em bầu ra sẽ giúp được rất nhiều cho công tác quản lý học sinh". (PVS, Nam, Cao đẳng, phụ trách quản trú)

Học sinh ăn ở tự túc: tự quản trong sinh hoạt, tự học ngoài giờ. Việc quản lý, hướng dẫn của nhà trường, thầy cô rất khó thực hiện. Quản lý quan hệ của học sinh, đặc biệt là nữ với thanh niên bên ngoài gặp nhiều khó khăn. do nơi ở phân tán/ở chung với dân.

- Nhà lưu trú, bếp ăn tập trung là điều kiện tiên quyết cơ bản để quản lý tốt, đảm bảo an toàn, sĩ số và sự phát triển toàn diện của học sinh. Vì thế, phấn đấu có nhà lưu trú cho học sinh phải được ưu tiên hỗ trợ trước nhất.

- Sinh hoạt văn hóa, tinh thần của học sinh tại trường hơn hẳn ở nhà, thôn bản.
- Các dân tộc (H'mông, Dao) có tập quán yêu, quan hệ giới tính tương đối thoáng và sớm, ảnh hưởng đến học tập, nhất là nữ. Quản lý học sinh nữ lớn tuổi là vấn đề nhạy cảm, nên bố trí ở ngay gần giáo viên nữ để tiện giúp đỡ.
- Địa phương chưa trợ giúp được về đất tăng gia cải thiện, sân bãi, dụng cụ thể thao.
- Nhà trường chưa nhận thức hết tính nguy hại, rủi ro của việc kiếm củi, sử dụng nấm rau rừng, đi về một mình của các em nữ: ngã, côn trùng độc đốt, ngộ độc, bị lạm dụng...là thường trực và thực tế đã xảy ra.

3. Những chính sách trợ giúp cho học sinh

3.1. Hỗ trợ cơ sở vật chất

Nhà lưu trú cho học sinh: Tỉnh, huyện cố gắng huy động mọi nguồn lực ngân sách, lồng ghép các dự án, doanh nghiệp, quốc tế... nhưng kết quả còn rất hạn chế. Trường hợp như "*Các đồng chí có thể lên Lũng Cú thì thấy có một vài đơn vị ở miền Nam họ xây nhà ở cho học sinh*" là không nhiều. (PVS, nam, đại học, Sở Giáo dục và Đào tạo). Hơn nữa, mô hình phát triển nhanh nên hỗ trợ ngày càng nhiều khó khăn, lực bất tòng tâm. "*Phải nói rằng trước đây mô hình Dân tộc bán trú ít nên huyện hỗ trợ được, mỗi thứ trích vào một tỷ nhưng đến nay có 13/18 xã có Dân tộc bán trú thì huyện không lấy đâu ra*". (TLN cấp huyện, nam, đại học, trưởng phòng giáo dục).

Những xã, trường có nhà lưu trú, bếp ăn cho học sinh, hầu hết là do cộng đồng kết hợp với gia đình làm dần từng bước trong thời gian dài.

- Kinh nghiệm các địa phương có nhà lưu trú cho thấy xóa lều lán tạm, dựng nhà ở cho học sinh bằng nguyên vật liệu sẵn có, hoàn toàn có thể làm được, nếu chính quyền, cộng đồng huy động được hợp lý các nguồn lực.

- Chủ trương lồng ghép với trường trình dự án khác, khó thực hiện do vướng mắc về cơ chế thanh quyết toán, cần có cơ chế để tháo gỡ.

- Tham vấn cộng đồng: Nhà ở kiên cố cao tầng cho học sinh bán trú (Nhà **Ốt** - Mai Châu - Sơn La) là không hợp lý. Không có nhà vệ sinh, bếp và nước lên tầng. Học sinh dân tộc không quen ở nhà tầng.

3. 2. Hỗ trợ học bổng- lương thực

Có 62.2% học sinh đã từng được hỗ trợ. Trong đó có: 77.1% bằng tiền từ chính quyền các cấp; 30.7 % nhận được sự hỗ trợ lương thực từ xã - cộng đồng - 37.8% không nhận được sự trợ giúp nào, hoàn toàn tự túc (trên thực tế con số này có thể lớn hơn).

Hỗ trợ học bổng: Tùy địa phương, học bổng rất khác nhau. Hà Giang 45.000đ/học sinh/tháng trong 3 tháng giáp hạt. Huyện Phước Sơn 40.000đ/học sinh/tháng. Đặc Lắc các xã chưa có trường Trung học cơ sở, học sinh đi trọ học ở xã

khác được trợ cấp 90.000đ/tháng... Học sinh bán trú tại tất cả các xã khác không có học bổng.

Hỗ trợ lương thực, tiền mặt: Thực hiện chủ yếu tại xã, cộng đồng và rất đa dạng. 10.000đ/học sinh/tháng; 30 kg ngô/học kỳ cho học sinh H'mông; trả tiền điện sinh hoạt 100.000đ/tháng; hỗ trợ đột xuất khi giáp hạt, thiên tai, mất mùa...

Xã - Cộng đồng hỗ trợ được toàn bộ lương thực, bếp ăn (Hà Giang) là mô hình lý tưởng cần học tập nhân rộng. Quy trình cơ bản như sau: HDND xã ra nghị quyết, các tổ chức xã hội vận động tất cả các gia đình (trừ rất ít hộ chính sách) đóng góp lương thực, tiền mặt. Mức đóng góp do từng xã quy định: chia bình quân theo hộ/góp theo diện tích canh tác cây lương thực. Số lương thực thu được đủ nuôi học sinh, nuôi và trả công cho cấp dưỡng, quản lý. Còn dư dùng cho học sinh đi học phổ cập.

- Hệ thống chính trị cơ sở có vai trò quyết định trong việc đề xuất, thực hiện chính sách hỗ trợ. "*Cán bộ nào thì phong trào nấy*". Cộng đồng hoàn toàn có thể hỗ trợ đủ lương thực cho học sinh.

- Học bổng còn rất hạn chế, song là nỗ lực to lớn của chính quyền trợ giúp học sinh lúc giáp hạt. Nơi không có học bổng, giáp hạt bỏ học tới 30%.

- Thủ tục xét học bổng tương đối chặt chẽ, có sự tham gia giám sát của dân. Học bổng không kiểm soát, có thể hiệu quả không cao. Một số học sinh sử dụng đúng mục đích mà mua quần áo, son phấn...

- Tranh luận chưa ngã ngũ trong cộng đồng nhằm định ra thứ tự ưu tiên: trợ giúp lương thực trước hay trợ giúp cơ sở vật chất trước.

- Địa phương tính đồng nhất dân tộc không cao (Đắc Lắc có dân tộc bản địa và di cư) gặp nhiều khó khăn trong huy động cộng đồng.

4. Vai trò, chất lượng giáo dục và hiệu quả của trường Dân tộc bán trú.

4.1. Vai trò của Mô hình trong cấu trúc giáo dục vùng dân tộc và miền núi

Mô hình đã tạo điều kiện cho một bộ phận học sinh dân tộc được tiếp tục học lên cao. Từ 7/2000 Việt Nam đã đạt mục tiêu quốc gia Phổ cập tiểu học. Mô hình góp phần đạt và giữ vững được Phổ cập tiểu học đúng độ tuổi. Vì tại nhiều vùng, các lớp nhô, lớp ghép tại thôn bản chỉ có đến lớp 3. không có sự lựa chọn nào khác là học bán trú.

Mô hình đóng vai trò cực kỳ to lớn. Học sinh Dân tộc bán trú chiếm khoảng 15 - 60% học sinh Trung học cơ sở. Bài học Tuyên Quang - tỉnh miền núi đầu tiên và thứ 8 trong nước hoàn thành phổ cập Trung học cơ sở cho thấy: "*xây dựng mô hình Dân tộc bán trú là biện pháp đóng vai trò then chốt để đạt mục tiêu phổ cập Trung học cơ sở*" (Báo Nhân dân 17/1/2002).

Phương thức tiếp cận trên cơ sở quyền, đòi hỏi trẻ em không chỉ là đối tượng mà

còn là chủ thể của các quyền. Học tập là nhu cầu và đòi hỏi chính đáng của Trẻ em. Mô hình là cơ sở thực hiện quyền được học tập theo điều 28 Công ước quốc tế về quyền Trẻ em: "*Trẻ em có quyền được học tập và Nhà nước phải đảm bảo rằng giáo dục tiểu học là bắt buộc và miễn phí, khuyến khích tổ chức những hình thức khác nhau của giáo dục trung học đến được với mọi trẻ em*".

Tính phổ biến là một trong những đặc trưng cơ bản nhất của quyền Trẻ em. Nghĩa là, nếu giáo dục Trung học cơ sở là tồn tại thì mọi Trẻ em trong độ tuổi đều được và có quyền thụ hưởng, không loại trừ vì bất kỳ lý do nào. Và Mô hình là phương thức hữu ích nhất để thực hiện quyền này tại vùng dân tộc và miền núi. Mô hình là điều kiện vật chất hiện thực để chính quyền các cấp và cộng đồng thực hiện tốt Luật Bảo vệ chăm sóc và giáo dục Trẻ em, tạo điều kiện phát triển toàn diện về trí lực và thể lực đối với học sinh vùng dân tộc và miền núi.

4. 2. Hiệu quả, chất lượng giáo dục:

Đánh giá chính xác chất lượng giáo dục của Mô hình, phải áp dụng hệ thống tiêu chuẩn phù hợp với mặt bằng giáo dục vùng dân tộc và miền núi. Để công bằng, phương pháp so sánh được áp dụng. Học sinh và giáo viên so sánh học Dân tộc bán trú với học tại thôn bản và học Dân tộc nội trú.

So với học tại thôn bản: 75,6 % học sinh và 80.0% giáo viên đánh giá chất lượng học tập là tốt hơn. Vì thế, một số gia đình dù khó khăn vẫn cho con em theo học Dân tộc bán trú ngay từ năm lớp một. So với học tập tại thôn bản: 7/8 các công việc đưa ra được học sinh đánh giá là học Dân tộc bán trú thuận lợi hơn. Trong đó 3 mục tiêu hàng đầu của giáo dục được đánh giá thuận lợi hơn rất nhiều là: "học tiếng phổ thông" có 85%; việc "đạt kết quả học tập tốt hơn" có 75,6% ; "đi học đủ buổi đủ giờ" có 73,6 %.

4. 3. Những hiệu quả xã hội khác:

Mô hình là điều kiện, phương thức để xóa bỏ cách biệt giữa các dân tộc. nhất là nơi nhạy cảm như Tây Nguyên. ý kiến của Chủ tịch xã tại Đắc Lắc: "*Xã có 4/10 thôn người H'mông di cư vào, chiếm khoảng 40% dân số. Học sinh bán trú chủ yếu ở 4 thôn này. Hiện nay không có một cán bộ xã nào người H'mông. Nếu không có Mô hình thì không biết đến bao giờ mới có người H'mông đủ trình độ để cơ cấu vào lãnh đạo xã*". Theo đó, sự vững mạnh, năng lực của hệ thống chính trị cơ sở phụ thuộc nhiều vào chất lượng, sự phát triển của mô hình.

Mô hình là nguồn học sinh cho trường Dân tộc nội trú, cung cấp đội ngũ trí thức, cán bộ lãnh đạo địa phương. Có xã toàn bộ lãnh đạo đều học từ trường Dân tộc bán trú. Hơn 17% gia đình học sinh bán trú cũng có con đang học ở xa (Đại học, cao đẳng, dân tộc nội trú...) Mô hình tạo điều kiện cho học sinh nữ các dân tộc học lên cao - là điều kiện tiên quyết để giảm thiểu bất bình đẳng giới trong xã hội và hệ

thống chính trị cơ sở. "*Học sinh nữ học cao thì gia đình cũng khá hơn*" hay "*Có xã tìm nữ có trình độ để phụ trách Hội Phụ nữ cũng khó*" là những ý kiến thường gặp.

Mô hình là điều kiện giao lưu văn hóa, thực hiện chính sách đoàn kết các dân tộc. Nắm vững tiếng phổ thông, quen dần với phong cách, lối sống, phương thức sinh hoạt tập thể, tác phong hành chính giờ giấc... là những hiệu quả xã hội mà không phải mọi nơi mọi lúc đều có cơ hội truyền thụ cho học sinh dân tộc.

5. Kết luận - khuyến nghị:

5. 1. Kết luận

Trường/lớp Dân tộc bán trú đang tồn tại, phát triển là một tất yếu lịch sử. Vừa là đòi hỏi vừa là giải pháp đáp ứng nhu cầu khách quan của sự phát triển giáo dục. Mô hình khẳng định con đường phát triển giáo dục bằng nội lực cộng đồng, là một tiến trình phù hợp với xu hướng phi tập trung hóa, với Quyền con người và Quyền trẻ em, phù hợp với quá trình đa dạng hóa các nguồn lực nhằm phát triển một cách bền vững.

Trường/lớp Dân tộc bán trú là sự nỗ lực sáng tạo, phát huy nội lực, có sự hỗ trợ của các thể chế xã hội, làm cho Trẻ em tiếp cận được với giáo dục, nâng cao chất lượng học tập, góp phần phát triển toàn diện trẻ các Dân tộc thiểu số. Kinh nghiệm, những bài học của Mô hình hoàn toàn có thể nhân rộng tới các khu vực có điều kiện kinh tế xã hội tương tự ở trong và ngoài nước.

Trong tiến trình phát triển của mình, Mô đã nhận được sự quan tâm hỗ trợ từ các thiết chế Xã hội, song là chưa đủ, chưa tương xứng với hiệu quả, vai trò và những chức năng xã hội mà nó đang đảm nhận. Chính phủ, các bộ ngành, chính quyền các cấp, phải có thể chế pháp lý, hệ thống chính sách, giải pháp hỗ trợ để Mô hình ngày càng phát triển, thực hiện nhiệm vụ lịch sử là đem tri thức văn hóa, tạo điều kiện cho 54 Dân tộc anh em phát triển đồng đều và hiện đại.

5. 2. Khuyến nghị chính sách

Chính sách đối với trường Dân tộc bán trú phải là bộ phận cấu thành trong tổng thể hệ thống chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước, góp phần bổ sung, hoàn thiện hệ thống chính sách với vùng dân tộc và miền núi.

Chính sách chung:

Chính phủ cần xác định và làm cho các tổ chức Quốc tế quan tâm đến Trẻ em thấy rằng: Mô hình là giải pháp tình thế, phù hợp với bối cảnh hiện nay, có tác dụng tích cực trong việc thực hiện Quyền Trẻ em. Phát triển giáo dục lâu dài là "*đem trường đến với Trẻ em, chứ không phải kéo trẻ đến trường*". Vì thế, mở các điểm trường, lớp ghép tại thôn bản phải luôn được quán triệt và ưu tiên.

Bộ Giáo dục và Đào tạo có văn bản pháp lý quy định rõ chức năng, vai trò,

nhiệm vụ của trường/lớp có học sinh dân tộc bán trú. Điều lệ trường phổ thông cũng phải có những quy cụ thể đối với mô hình này. Bộ Kế hoạch đầu tư, Bộ Tài chính cần có khoản mục phân bổ nguồn vốn cho Mô hình, nếu cần có thể đưa vào chương trình mục tiêu Quốc gia.

Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế, ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em, Bộ Công an, Ủy Ban Dân tộc... ra thông tư liên Bộ về công tác chăm sóc y tế, phòng dịch, an ninh an toàn... cho Mô hình.

Bộ Giáo dục và Đào tạo tăng cường xuất bản sách giáo khoa, tài liệu, băng hình bằng tiếng dân tộc/song ngữ, giúp học sinh tiếp thu kiến thức và hòa hợp văn hóa.

Chính sách hỗ trợ cơ sở vật chất:

Từ góc độ quản lý và yêu cầu phát triển toàn diện của học sinh, hỗ trợ xây dựng nhà lưu trú, bếp ăn phải là **chính sách ưu tiên trước nhất** (trước hết là nhà lưu trú). Nếu chính quyền chưa thể đáp ứng được, cần ban hành thông tư liên bộ, hướng dẫn các địa phương thực hiện chủ trương xã hội hóa. Phải có "cây gậy pháp lý" thì địa phương mới có chính sách thực hiện cụ thể.

Các công trình như nhà vệ sinh, nguồn nước sạch, tận dụng các nhà kho, hợp tác xã mua bán, trụ sở cũ... cho học sinh ở. Họ hàng/người thân cho ở nhờ là một phương thức tốt để xóa bỏ lều lán tạm, đảm bảo an toàn cho học sinh.

Hỗ trợ học bổng cho học sinh: Chính phủ có Quyết định cấp học bổng như dự thảo: 130.000đ/học sinh/tháng trong 9 tháng học, từ nguồn vốn ngân sách nhà nước là tốt nhất. Nếu ngân sách khó khăn thì cấp theo mức: 80.000đ-90.000đ/học sinh/tháng trong 9 tháng. Đây là mức sống tối thiểu được tính trên cơ sở sau:

Lương thực: 13kg gạo/học sinh/tháng x 4000đ/kg = 52.000đ.

Tiền thức ăn: 1000đ/học sinh/ngày x 26 ngày = 26.000đ.

Thấp nhất thì Chính phủ cũng hỗ trợ cho học sinh trong 5 tháng theo mức 80.000đ/tháng/học sinh. Và có văn bản chỉ đạo các tỉnh hỗ trợ thêm 4 tháng còn lại cùng với mức đó từ ngân sách địa phương.

Nếu ngân sách không cho phép, thì phải có văn bản hướng dẫn các xã huy động lương thực từ cộng đồng. Kinh nghiệm Hà Giang là khó có thể làm tốt hơn

Một số chính sách trợ giúp khác:

- Phối hợp với y tế, Dân số - Gia đình và Trẻ em ban hành quy định hướng dẫn công tác kiểm tra vệ sinh, an toàn thực phẩm, y tế dự phòng... Có thể sử dụng y tế thôn bản.

- Ký với công an xã văn bản đảm bảo an toàn trật tự tại điểm trường. Tránh

những tệ nạn xã hội có thể len lỏi vào học đường.

- Trường có nội quy phòng chống cháy nổ. Soạn thảo tài liệu hướng dẫn, tổ chức học sinh để giúp đỡ nhau khi đi rừng, tắm suối, đi về nhà...

- Phân công, vận động các ban ngành, doanh nghiệp đỡ đầu, trợ giúp.

- Vận động phong trào kết nghĩa với xã - trường, huyện ở các tỉnh, thành phố miền xuôi, tìm kiếm sự trợ giúp quốc tế.

- Có chính sách ưu tiên hỗ trợ đặc biệt đối với con em các dân tộc có số lượng ít, chưa phát triển, định cư ở biên giới. Trợ giúp, chăm sóc đặc biệt với nhóm học sinh nhỏ tuổi mới thoát ly thôn bản, tránh hụt hẫng về tâm lý tình cảm.

- Vận động xóa bỏ những định kiến về giới, tục tảo hôn, giảm thiểu bất bình đẳng giới trong học đường.

- Tỉnh, huyện có chủ trương, xã cấp đất cho học sinh tăng gia cải thiện, có sân tập thể thao. Đoàn xã kết hợp với Đoàn trường hỗ trợ cho học sinh dụng cụ, phương tiện thể dục thể thao, văn nghệ...

Tài liệu tham khảo

1. Công ước Quốc tế về Quyền Trẻ em. 2002. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
2. Luật Giáo dục, chăm sóc và bảo vệ trẻ em .2004. Nxb Chính trị Quốc gia
3. Christian Salazar Volkmann. 2004, "Những điểm mở và thách thức cơ bản với phương thức làm chương trình dựa trên cơ sở quyền con người cho phụ nữ và trẻ em ở Việt Nam", Nhà xuất bản chính trị quốc gia.
4. Nguyễn Hồng Thái & Phạm Đỗ Nhật Thăng. 2005. Chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn dựa vào cộng đồng - Những cơ sở xã hội và thách thức. Tạp chí Xã hội học, số 4-2005.
5. An Kiên. 2005: "Bán trú dân nuôi những vấn đề đặt ra". Báo Giáo dục và Thời đại, ngày 05.6.2005.
6. Đặng Sáu. 2005: "Hà Giang phát triển hệ thống trường nội trú và bán trú dân nuôi". Báo Nhân dân, ngày 12.5.2005.
7. Hùng Hậu. 2005: "Nơi khởi nguồn của loại hình giáo dục nội trú dân nuôi". Báo Hà Giang, số Xuân ất Dậu 2005
8. Lục Văn Toán. 2005: "Mô hình trường nội trú dân nuôi". Báo Nhân dân, ngày 17.4.2005.
9. Hệ thống các văn bản pháp quy của chính phủ liên quan tới phát triển giáo dục cho các vùng dân tộc và miền núi.
10. Kỷ yếu hội thảo "Chính sách và giải pháp phát triển trường lớp bán trú dân nuôi ở vùng dân tộc thiểu số". Bộ GDTHN&ĐT, 8-2004.
11. Viện nghiên cứu phát triển Giáo dục. H, 1998: "Định hướng quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo cho các vùng đông đồng bào dân tộc thiểu số vùng miền núi phía Bắc". Báo cáo cuối cùng.